



HỆ XÀ GỖ LYSAGHT® TIẾT DIỆN ZED & CEE

LYSAGHT® ZED & CEE PURLINS AND GIRTS

LYSAGHT

THERE IS NO EQUIVALENT

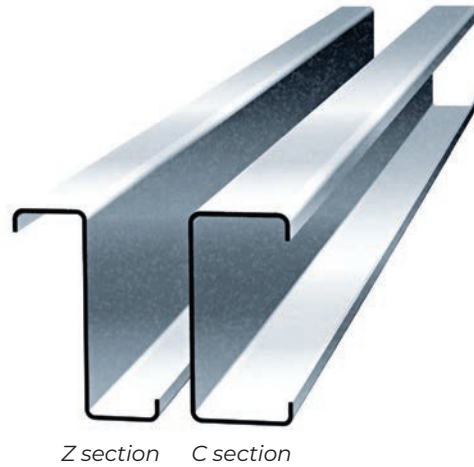
ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM

PRODUCT DESCRIPTION

VẬT LIỆU CHẤT LƯỢNG CAO/ HIGH QUALITY MATERIAL

Hệ xà gỗ LYSAGHT® tiết diện Zed and Cee của NS BlueScope Lysaght Việt Nam được cán từ thép mạ kẽm những nóng cường độ cao tuân thủ theo tiêu chuẩn AS 1397, G450 Z275, G450 Z350 (giới hạn chảy tối thiểu 450 MPa, trọng lượng lớp mạ là 275g/ m², 350g/ m²). Lớp mạ kẽm Z275 và Z350 cho phép sản phẩm đạt tuổi thọ cao và không gặp trở ngại cho những công trình được bảo che hoặc những công trình nông thôn thông thoáng trong môi trường bình thường.

LYSAGHT® Zed & Cee Purlins and Girts sections are roll-formed from hot-dipped Zinc-coated high strength strip complied with AS 1397-1993, G450 Z275, G450 Z350 (450 MPa minimum yield strength, 275g/ m² and 350g/ m² Zinc coating mass). This coating will provide a long and trouble-free life for enclosed buildings and open-sided rural buildings in a non-aggressive environment.



KÍCH THƯỚC & ĐẶC TÍNH HÌNH HỌC/ DIMENSION & PROPERTIES

XÀ GỖ LYSAGHT® Z

Tiết diện Z có một cánh rộng và một cánh hẹp, với kích cỡ cho hai tiết diện cùng cỡ có thể chồng khít khiến chúng thích hợp cho việc nối chồng.

Xà gỗ với chiều dài liên tục sẽ kinh tế hơn, nhưng nối chồng khiến tăng gấp đôi bề dày kim loại tại gối đỡ nhịp giữa. Nối chồng làm tăng cường độ của tiết diện tại vị trí có momen uốn và lực cắt lớn nhất, do đó tăng khả năng chịu tải và độ cứng cho hệ thống.

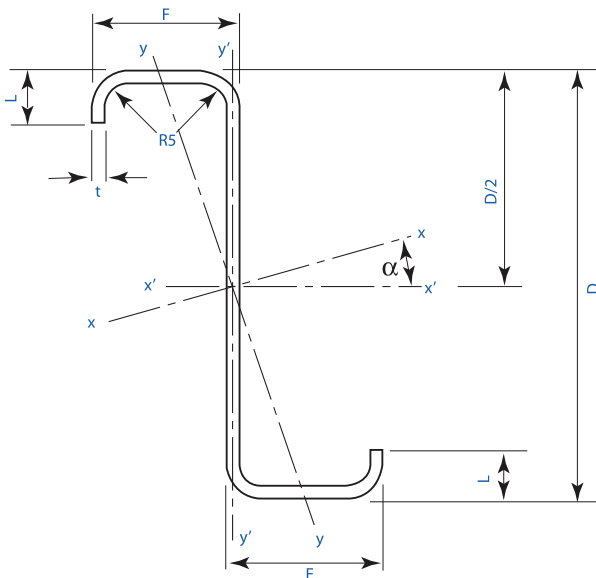
Xà gỗ LYSAGHT® Z cũng có thể được dùng trong các nhịp đơn. Đối với những nhịp ngắn hơn có thể sử dụng liên tục trên hai nhịp hoặc nhiều hơn mà không cần nối chồng. Vì vậy giảm độ võng so với nhịp đơn nhưng không tạo ưu thế về cường độ như hệ nối chồng.

LYSAGHT® ZED SECTIONS

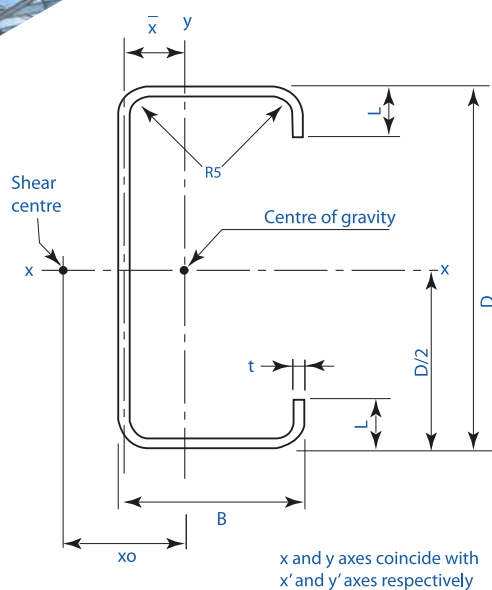
LYSAGHT® Zed section feature one broad and one narrow flange sized so that two sections of the same size fit together snugly, making them suitable for lapping.

Continuous lengths of purlin result in better economy, but lapping provides two thicknesses of metal over interior supports. Lapping increases the strength of the sections where bending moments and shear are at a maximum, thus improving the load capacity and rigidity of the system.

LYSAGHT® Zed section may be used over simple spans. For shorter spans they may be used continuously over two or more spans without laps, thus producing reduced deflection compared with simple spans. But it does not give the strength of a fully lapped system.



x and y axes coincide with x' and y' axes respectively



XÀ GỖ LYSAGHT® C

Tiết diện C có hai cánh bằng nhau và phù hợp cho vượt nhịp đơn giản. Đối với nhịp ngắn hơn, chúng có thể được sử dụng liên tục trên 2 nhịp hoặc nhiều hơn với mối nối đối đầu, do đó giảm độ võng so với nhịp đơn. Xà gỗ C không thể nối chồng.

LYSAGHT® CEE SECTIONS

LYSAGHT® Cee sections have equal flanges and are suitable for simply supported spans. For shorter spans they may be used continuously over two or more spans with the ends butted, thus producing reduced deflection compared with simple spans. C purlin can not be lapped.

KÍCH THƯỚC TIẾT DIỆN Z & C

DIMENSIONS OF Z & C

Chủng loại Product code	t (mm)	D (mm)	Trọng lượng/m dài Mass per unit length (kg/ m)	E (mm)	F (mm)	L (mm)	B (mm)	L (mm)
Z/C 10012	1.2	102	2.10	53	49	12.5	51	12.5
Z/C 10015	1.5	102	2.58	53	49	15	51	15
Z/C 10019	1.9	102	3.25	53	48	15	51	15
Z/C 15012	1.2	152	2.89	65	61	15.5	64	14.5
Z/C 15015	1.5	152	3.54	67	62	18	64	18
Z/C 15019	1.9	152	4.46	67	61	18	64	18
Z/C 15024	2.4	152	5.62	67	60	18	64	18
Z/C 20015	1.5	203	4.44	79	74	20	76	20
Z/C 20019	1.9	203	5.68	79	73	21	76	20
Z/C 20024	2.4	203	7.15	79	72	21	76	20
Z/C 25019	1.9	254	6.35	78	72	19	74	19
Z/C 25024	2.4	254	8.0	78	71	19	74	19
Z/C 30024	2.4	300	9.84	100	93	22	96	22
Z/C 30030	3.0	300	12.38	100	92	24	96	24
Z/C 35030*	3.0	350	15.09	129	121	30	125	30

ĐẶC TÍNH HÌNH HỌC TIẾT DIỆN XÀ GỖ LYSAGHT® C

SECTION PROPERTIES OF LYSAGHT® C

Tiết diện đầy đủ Full section properties									Tiết diện cột Column properties				Tiết diện hữu dụng Effective section Properties At yield stress	
Chủng loại Product code	Đặc tính tiết diện Area	Momen quán tính Second moment of Area		Momen Chống uốn Second modulus		Bán kính quán tính Radius of gyration		Trọng tâm Centroid	Tọa độ tâm uốn Shear centre	Hệ số xoắn Torsion constant	Hệ số đối xứng vênh Warping constant	Hệ số đối xứng đơn Mono-symmetry section constant	Momen Chống uốn Section modulus in bending	Diện tích tiết diện hữu dụng Area in compression
	A mm ²	I _x 10 ⁶ mm ⁴	I _y 10 ⁶ mm ⁴	Z _x 10 ³ mm ³	Z _y 10 ³ mm ³	r _x mm	r _y mm	x mm	x mm	J mm ⁴	I _w 10 ⁶ mm ⁶	β _y mm	Z _{xe} 10 ³ mm ³	A _e mm ²
C 10012	258	0.432	0.0892	8.48	2.59	41.0	18.6	16.0	39.7	124	188	123	6.74	153
C 10015	323	0.537	0.112	10.5	3.29	40.8	18.7	16.1	40.1	242	241	122	8.73	217
C 10019	409	0.673	0.142	13.2	4.21	40.6	18.7	16.2	40.4	492	311	122	12.3	329
C 15012	354	1.29	0.188	17.0	4.17	60.4	23.1	18.3	46.5	170	842	171	11.8	165
C 15015	443	1.61	0.237	21.1	5.29	60.2	23.1	18.4	46.9	332	1070	171	17.1	244
C 15019	561	2.02	0.300	26.6	6.74	60.0	23.1	18.5	47.1	675	1370	170	21.8	340
C 15024	712	2.54	0.386	33.5	8.79	59.8	23.3	18.9	48.0	1370	1810	169	30.9	527
C 20015	555	3.53	0.396	34.7	7.17	79.9	26.7	19.9	51.6	416	3060	223	24.1	251
C 20019	713	4.51	0.531	44.4	9.77	79.6	27.3	20.8	53.6	858	4240	221	36.6	381
C 20024	904	5.69	0.681	56.0	12.7	79.3	27.4	21.1	54.4	1740	5540	219	47.5	541
C 25019	808	7.62	0.561	60.6	9.86	97.1	26.4	18.1	48.5	972	6860	276	46.2	381
C 25024	1020	9.62	0.721	75.7	12.8	96.9	26.5	18.4	49.3	1970	8920	274	64.9	543
C 30024	1260	17.0	1.51	113	21.7	116	34.6	25.0	66.0	2430	26800	320	91.1	632
C 30030	1600	21.3	1.96	142	28.5	116	35.0	25.8	67.9	4790	35700	316	124	897
C 35030*	1910	35.8	3.82	205	42.3	137	44.7	33.2	86.3	5730	90000	378	159	940

ĐẶC TÍNH HÌNH HỌC TIẾT DIỆN XÀ GỖ LYSAGHT® Z

SECTION PROPERTIES OF LYSAGHT® Z

Tiết diện đầy đủ Full section properties							
Hệ trục quán tính chính Principal axes							
Chủng loại Product code	Đặc tính tiết diện Area	Momen quán tính Second moment of Area		Momen Chống uốn Second modulus	Bán kính quán tính Radius of gyration		
	A mm ²	I _x 10 ⁶ mm ⁴	I _y 10 ⁶ mm ⁴	Z _y 10 ³ mm ³	r _y mm	α (°)	I _{x'} 10 ⁶ mm ⁴
Z 10012	258	0.536	0.0516	1.84	14.2	27.5	0.432
Z 10015	323	0.668	0.0652	2.32	14.2	27.8	0.537
Z 10019	409	0.840	0.0829	2.94	14.2	28.1	0.673
Z 15012	354	1.47	0.115	3.14	18.1	21.8	1.28
Z 15015	443	1.84	0.145	3.96	18.1	22.0	1.60
Z 15019	561	2.32	0.184	5.02	18.1	22.1	2.01
Z 15024	712	2.92	0.238	6.38	18.3	22.5	2.53
Z 20015	555	3.89	0.255	5.53	21.4	18.5	3.53
Z 20019	713	5.02	0.342	7.45	21.9	19.1	4.52
Z 20024	907	6.36	0.443	9.64	22.1	19.4	5.70
Z 25019	808	8.08	0.381	7.82	21.7	14.0	7.62
Z25024	1020	10.2	0.493	10.2	21.9	14.3	9.64
Z 30024	1260	18.3	1.01	16.8	28.3	16.0	17.0
Z 30030	1600	23.1	1.32	21.9	28.7	16.3	21.3
Z 35030*	1910	39.2	2.49	32.8	36.1	17.8	35.8

Tiêu chuẩn tính toán: Tiêu chuẩn Úc AS 4600-1996

						Tiết diện cột Column properties		Tiết diện hữu dụng Effective section Properties At yield stress	
Hệ trục song song & vuông góc với phần bụng (tiết diện) Axes perpendicular & paralld to web									
Momen quán tính Second moment of Area	Moment quán tính chính lý tâm Product of moment of area	Momen Chống uốn Second modulus		Bán kính quán tính Radius of gyration		Hệ số xoắn Torsion constant	Hệ số vênh Warping constant	Momen Chống uốn Section modulus in bending	Diện tích tiết diện hữu dụng Area in compression
I_y' 10^6mm^4	$I_x'I_y'$ 10^6mm^4	Z_x' 10^3mm^3	Z_y' 10^3mm^3	r_x' mm	r_y' mm	J mm^4	I_w 10^6mm^4	$Z_x'e$ 10^3mm^3	A_e mm^2
0.155	0.198	8.32	3.02	41.0	24.5	124	253	6.73	153
0.197	0.249	10.3	3.84	40.8	24.7	242	321	8.82	217
0.250	0.314	13.0	4.92	40.6	24.7	492	409	12.4	329
0.303	0.469	16.7	4.78	60.3	29.3	170	1160	11.9	169
0.383	0.588	20.8	6.06	60.1	29.4	332	1460	17.2	248
0.487	0.744	26.1	7.73	59.9	29.5	675	1860	22.4	347
0.632	0.950	32.6	10.0	59.6	29.8	1370	2410	31.4	535
0.621	1.09	34.3	8.05	79.7	33.4	416	4260	23.8	248
0.843	1.45	43.9	11.0	79.6	34.4	858	5830	36.4	378
1.10	1.86	55.3	14.4	79.3	34.8	1740	7630	48.4	546
0.833	1.81	59.3	10.8	97.1	32.1	972	9480	45.7	379
1.08	2.33	74.9	14.2	96.9	32.5	1970	12400	66.0	547
2.32	4.57	112	23.8	116	42.8	2430	36600	89.9	628
3.04	5.88	140	31.4	116	43.6	4790	48200	125	908
5.98	10.7	202	47.2	137	55.7	5730	124000	159	940



ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI

OUTSTANDING ADVANTAGES

KHẢ NĂNG VƯỢT NHỊP LỚN/ WIDE SPANNING ABILITY

Xà gỗ LYSAGHT® Z & C được sản xuất từ thép cường độ cao 450MPa cho phép vượt nhịp rất lớn mà vẫn đảm bảo độ võng trong phạm vi cho phép.

LYSAGHT® Purlins and Girts are made from Zinc-coated high tensile steel 450MPa which permits wide spanning ability while ensuring acceptable deflection.

LẮP ĐẶT ĐƠN GIẢN, CHI PHÍ THẤP/ SIMPLE INSTALLATION AND LOW COST FIXING

Xà gỗ LYSAGHT® được cắt và đục lỗ theo thiết kế công trình có thể được lắp đặt một cách đơn giản và chính xác. Sử dụng thép mạ kẽm cường độ cao, giảm nhẹ trọng lượng cho hệ mái mà vẫn đảm bảo khả năng chịu tải trọng lớn, giảm chi phí móng công trình.

Cut to length & hole pre-punched, LYSAGHT® Purlin can be bridged easily and exactly into place. High tensile galvanized steel brings light weight roof and ensures high load capacity which saves costs of the building's foundation.

VẺ ĐẸP LÂU DÀI – TIẾT KIỆM CHI PHÍ BẢO TRÌ/ LONG LASTING BEAUTY - LOW MAINTENANCE COST

Thép mạ kẽm bảo vệ khỏi sự ăn mòn và rỉ sét, tiết kiệm chi phí bảo trì, mang lại vẻ đẹp, và sự yên tâm cho công trình của bạn.

LYSAGHT® Purlins and Girts are manufactured from galvanized steel which have a high corrosion resistance, gives you a low maintenance cost and many years of trouble-free use.

ĐA DẠNG CHIỀU DÀY VÀ KÍCH CỠ/ WIDE RANGE OF SECTION DEPTH & THICKNESS

Xà gỗ LYSAGHT® có nhiều chiều cao tiết diện 100, 150, 250, 300 và 350mm và chiều dày từ 1.2 đến 3.0mm đáp ứng được các yêu cầu về khẩu độ và thiết kế khác nhau.

LYSAGHT® Purlins and Girts with section depth of 100, 150, 250, 300 and 350mm, thickness from 1.2 to 3.0mm are available to meet various requirements.

KIỂM TRA BẰNG THÍ NGHIỆM THỰC TẾ/ REAL TESTING

Khả năng chịu lực của xà gỗ và liên kết đã được khẳng định qua tính toán và thí nghiệm tại phòng thí nghiệm của BlueScope được NATA chứng nhận tại Úc.

Load capacities of LYSAGHT® Purlins and Girts were confirmed through calculation and test in BlueScope Australia NATA registered testing laboratory.

PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ/ SYNCHRONIZED ACCESSORIES

Xà gỗ LYSAGHT® được cung cấp đồng bộ với hệ giằng, bản mã và bu lông mạ kẽm đảm bảo sự tương thích vật liệu đem lại tuổi thọ cao cho công trình.

We provide all categories of accessories such as zinc-coated bridging system, cleats, bolt that ensures material compatibility, bringing a long life to the buildings.

ĐÓNG GÓI VÀ GIAO HÀNG CHUYÊN NGHIỆP/ PROFESSIONAL PACKING AND DELIVERING

Xà gỗ LYSAGHT® Purlins and Girts được bó thành từng kiện. Số lượng thực tế trong từng kiện tùy thuộc theo cỡ tiết diện, đơn đặt hàng và chiều dài. Khối lượng một kiện khoảng 1 tấn. Phụ kiện được giao theo kiện, dây hoặc bao.

LYSAGHT® Purlins and Girts purlins are delivered in trapped bundles. The actual quantity in each bundle will vary with section size, order and length. The bundle mass is generally approximately one ton. Accessories are delivered in strapped or wired bundles, bag or packages as appropriate.

TƯ VẤN KỸ THUẬT CHUYÊN NGHIỆP/ PROFESSIONAL TECHNICAL SUPPORT

Đội ngũ kỹ sư chuyên nghiệp của NS BlueScope Lysaght Việt Nam luôn sẵn sàng tư vấn, trợ giúp kỹ thuật cho khách hàng về thiết kế, phương thức lắp đặt cũng như việc cải thiện tuổi thọ xà gỗ trong môi trường ăn mòn cao.

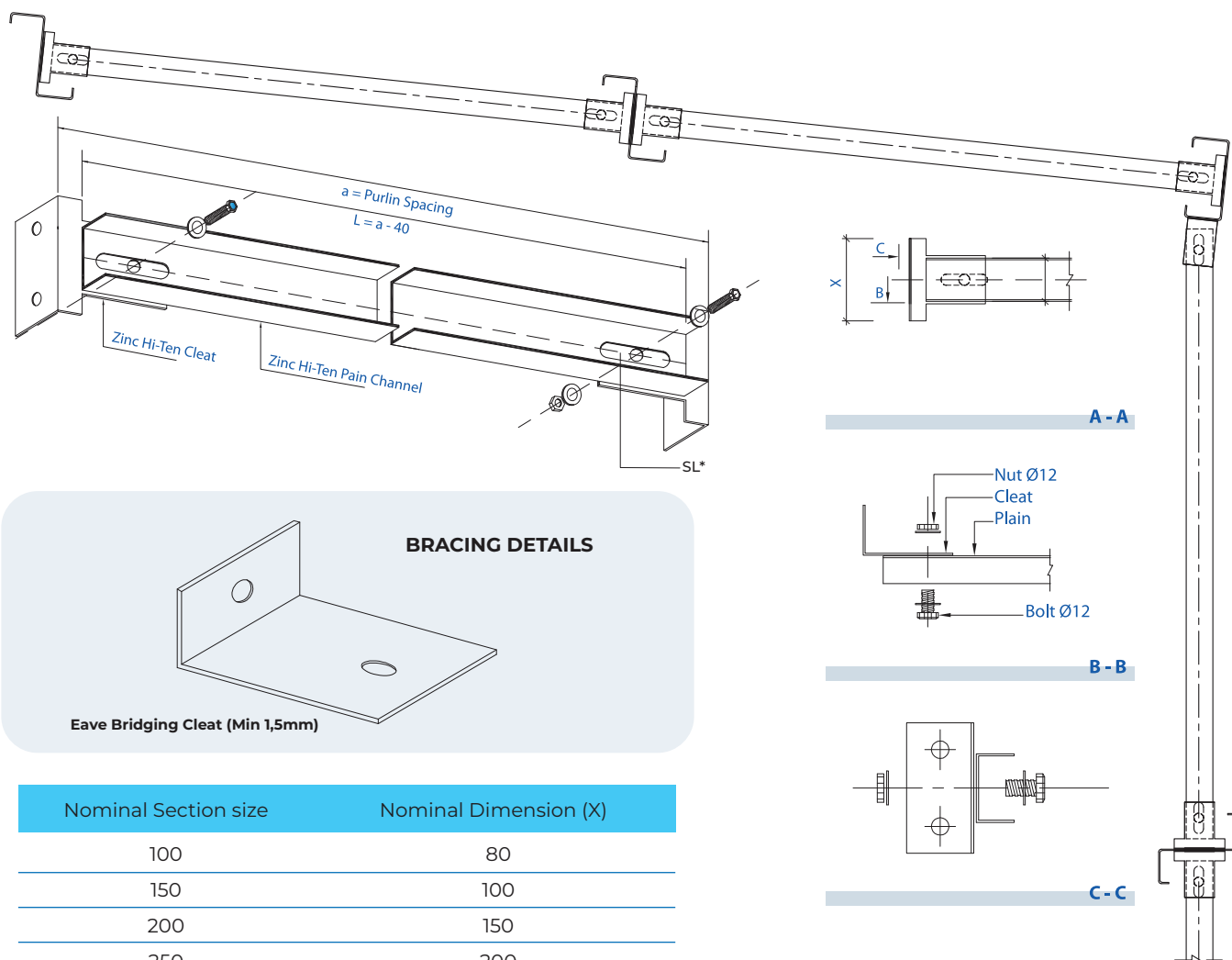
We are ready to provide professional advice, technical support of design as well as installation process and endure life-span of purlins in corrosion environment.

HỆ GIÀNG XÀ GỖ

PURLIN BRACING SYSTEM

HỆ GIÀNG CHO XÀ GỖ 100, 150, 200 & 250MM

THANH GIÀNG C51 X 28



BRACING DETAILS

Eave Bridging Cleat (Min 1,5mm)

Nominal Section size	Nominal Dimension (X)
100	80
150	100
200	150
250	200

(*) SL: Lỗ 15 x 20mm áp dụng cho mái và vách
Hole 15 x 20mm applied for roof and wall

Đối với xà gỗ lớn hơn hoặc bằng 300, hệ giằng được tính toán tùy theo từng công trình, đề nghị liên hệ bộ phận kỹ thuật để được tư vấn.

For the larger sections or equal to 300 series, bracing system is calculated due to each project. Please contact NS BlueScope Lysaght technical team for consultancy.

SỐ HÀNG GIÀNG TRONG MỖI NHỊP

Số hàng giằng xà gỗ trong mỗi nhịp phụ thuộc vào nhịp xà gỗ và tải trọng. Số hàng giằng có thể là 0, 1, 2 hoặc 3.

Trong thực tế, nên sử dụng ít nhất một hàng giằng trong mỗi nhịp. Chúng tôi khuyến cáo khoảng cách giữa các hàng giằng không quá 20 lần chiều cao tiết diện.

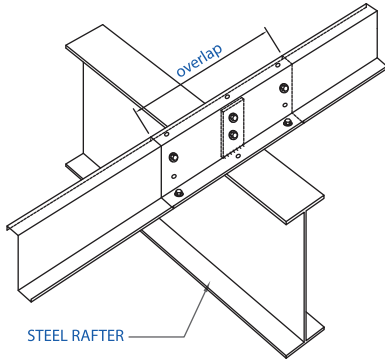
ROWS OF BRIDGING

The number of rows of bridging depends on the span and the load. It could be 0, 1, 2 or 3.

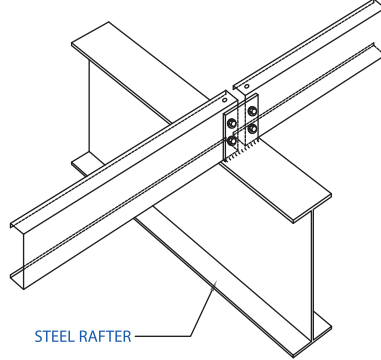
In practice it may be necessary to use at least one row of bridging in each span. We suggest that unbridged lengths be limited to 20 times the section depth.

LIÊN KẾT CHO XÀ GỖ

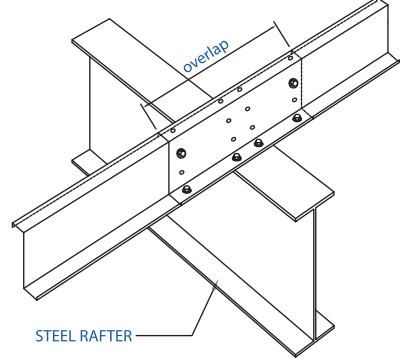
CONNECTIONS



Liên kết có bản mã / *Cleat Connections*

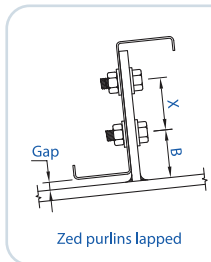


Liên kết không có bản mã / *Cleeatness Connections*

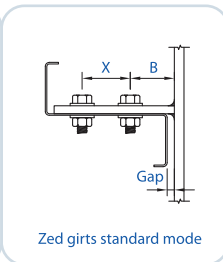


LIÊN KẾT VÀO BẢN MÃ

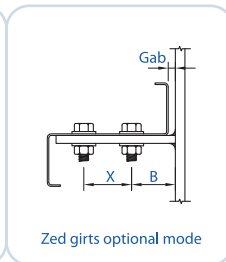
FASTENING TO CLEATS



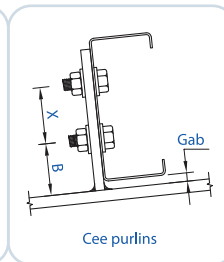
Zed purlins lapped



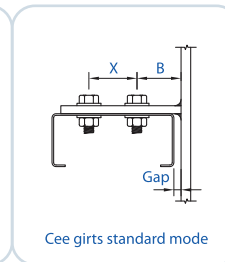
Zed girts standard mode



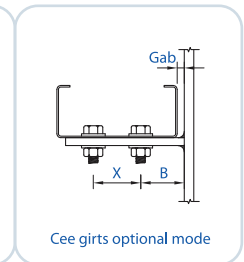
Zed girts optional mode



Cee purlins



Cee girts standard mode



Cee girts optional mode

CHIỀU DÀI NỐI CHỒNG

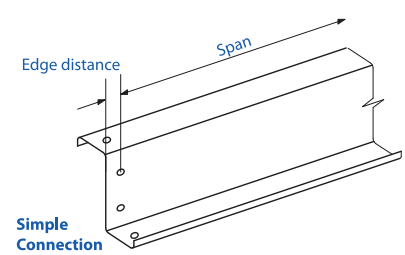
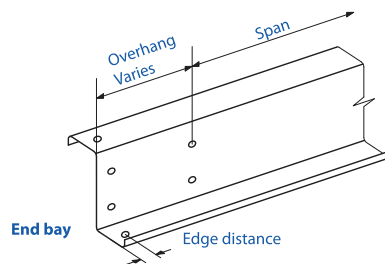
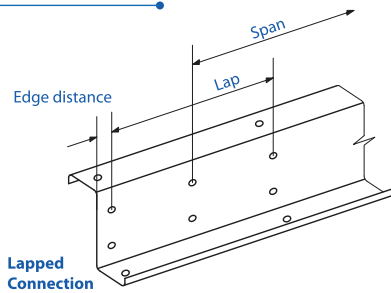
LAP LENGTHS

Nominal section size (mm)	Span (mm)	Lap length (mm)
100	≤ 6000	600
	> 6000	900
150, 200, 250	≤ 9000	900
	$> 9000 \leq 12000$	1200
	> 12000	1800
	> 18000	2400
300, 350	≤ 9000	900
	$> 9000 \leq 12000$	1200
	$> 12000 \leq 18000$	1800
	> 18000	2400

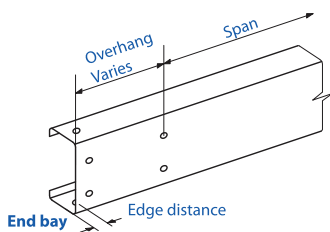
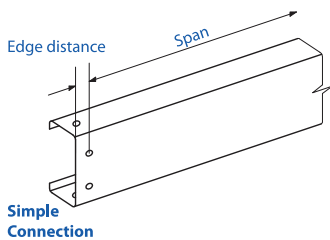
CHI TIẾT ĐỘT LỖ TIÊU CHUẨN

STANDARD HOLE DETAIL

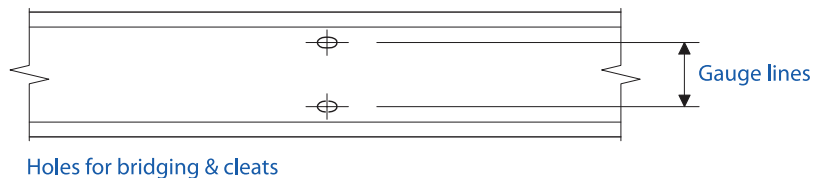
Standard holes for Zed sections



Standard holes for Cee sections



Bridging holes and cleat holes



Nominal section size (mm)	X	B	Y	t (thickness)	Gap
100	40	40	105	8	10
150	60	55	145	8	10
200	110	55	195	8	10
250	160	55	245	8	10
300	210	65	305	12	20

CHI TIẾT VÀ KHOẢNG CÁCH CÁC HÀNG LỖ/ HOLE DETAILS AND GAUGE LINES

Lỗ bu lông được khoan tại vị trí liên kết vào bản mã, vị trí chống và ở các điểm giằng.

Đối với bụng xà gỗ 300, lỗ ở đường tâm có thể được khoan sẵn theo yêu cầu. Chúng có thể kết hợp với lỗ trên bản mã để tạo liên kết 3 bu lông vào bản mã.

Đối với tất cả các loại xà gỗ LYSAGHT®, lỗ hình bầu dục 18 x 22mm phù hợp cho bu lông M12 và M16. Xà gỗ không khoan lỗ có thể được cung cấp nếu có yêu cầu.

Đối với những công trình đặc biệt, kích thước lỗ, số lượng lỗ và khoảng cách các hàng lỗ theo phương vuông góc với trục thanh được điều chỉnh theo thỏa thuận. Tuy nhiên, các đơn hàng này sẽ bị ràng buộc về số lượng tối thiểu và thời gian giao hàng kéo dài.

The holes are required at cleat supports, end of laps and bridging points.

For the webs of 300 sections, centre line holes are also available on request, and may be combined with cleat holes to provide 3-bolt fastening to the cleats.

For all LYSAGHT® purlins, the holes are elongated with dimensions of 18 x 22mm suitable for both M12 and M16 bolts. Sections are also available unpunched if required.

For special projects, the size of the hole, the number of holes, and the gauge lines may be modified per negotiation. These projects will be subject to minimum order quantities and extended lead times.

LƯU Ý KHI ĐẶT HÀNG

ORDERING NOTES

CHIỀU DÀI CUNG CẤP/ AVAILABLE LENGTH

Xà gỗ LYSAGHT® được cắt theo chiều dài đặt hàng để vận chuyển, tuy nhiên có một số giới hạn cần lưu ý.

- Đối với những chiều dài tối thiểu, và những chiều dài trên 12000mm, hãy liên hệ văn phòng NS BlueScope Lysaght Việt Nam gần nhất.
- Đối với những giao nhận bình thường, chiều dài danh định không vượt quá 12000mm. Những chiều dài lớn hơn 12000mm yêu cầu có phương tiện vận chuyển đặc biệt và các thiết bị nâng tại công trường.
- Sai số chiều dài cho tất cả các loại tiết diện là $\pm 5\text{mm}$.

LYSAGHT® purlins are available custom-cut in any transportable length, however there are some limitations.

- For minimum length, and length over 12000mm, please contact your nearest NS BlueScope Lysaght Vietnam office.
- For normal deliveries, nominal length should not exceed 12000mm. Length greater than 12000mm requires special transportation and on site handling facilities.
- Length tolerance for all sections is $\pm 5\text{mm}$.

CHI TIẾT LỖ/ HOLE DETAIL

Đối với những công trình đặc biệt, kích cỡ lỗ, số lượng lỗ và khoảng cách hàng lỗ theo phương vuông góc với trục được điều chỉnh theo thỏa thuận. Tuy nhiên, các đơn hàng này sẽ bị ràng buộc về số lượng tối thiểu và thời gian giao hàng dài hơn.

For special projects, the size of the hole, the number of holes, and the gauge lines may be modified by negotiation. These projects will be subject to minimum order quantities and extended lead times.

THANH GIẰNG/ BRACING

Khi đặt hàng chiều dài thanh giằng theo tính toán của thiết kế.

The length of bracing should be designated.

BU LÔNG/ BOLT SPECIFICATION

Bu lông và đai ốc cho xà gỗ LYSAGHT® bao gồm vòng đệm đồng bộ.

Tất cả các bu lông được xiết với lực xoắn 55Nm.

LYSAGHT® purlin bolts and nuts have integral washers.

Tighten all bolts to 55Nm torque.

Kích thước tiết diện danh định (mm) Nominal section size (mm)	Quy cách bu lông	Bolts specification
100, 150, 200, 250	Bu lông cho xà gỗ LYSAGHT® M12: tiêu chuẩn (loại 4.6) hoặc cường độ cao (loại 8.8)	M12 LYSAGHT® purlin bolt: standard (grade 4.6) or high strength (grade 8.8)
300	Bu lông cho xà gỗ LYSAGHT® M16: tiêu chuẩn (loại 4.6) hoặc cường độ cao (loại 8.8)	M16 LYSAGHT® purlin bolt: standard (grade 4.6) or high strength (grade 8.8)

BẢO DƯỠNG

MAINTENANCE

BẢO QUẢN TẠI CÔNG TRƯỜNG/ STORAGE ON-SITE

Nếu chưa sử dụng ngay, xà gỗ cần được đặt cách mặt đất và hơi dốc để thoát nước. Xà gỗ và phụ kiện không được để ngoài trời trong khoảng thời gian dài.

If not required for immediate use, section should be neatly stacked off the ground and on a slight slope so that water can drain away. Sections and accessories should not be exposed in the open for long periods.

BẢO VỆ ẲN MÒN VÀ SỰ TƯƠNG THÍCH CỦA VẬT LIỆU/ CORROSION PROTECTION & MATERIAL COMPATIBILITY

Một số vật liệu xây dựng và điều kiện môi trường có thể gây tổn hại cho các sản phẩm thép mạ. Những điều này bao gồm việc tiếp xúc hoặc lộ thiên với môi trường và vật liệu như sau:

- Các môi trường công nghiệp, nông nghiệp, biển hoặc những điều kiện không khí bất lợi khác.
- Những kim loại không tương thích như chì, đồng.
- Những vật liệu xây dựng có chu kỳ khô hoặc ướt, hoặc loại có độ ẩm cao như gỗ chưa được xử lý đúng quy trình.
- Những vật liệu được xử lý bằng chất bảo quản như gỗ chưa qua xử lý hóa chất.

Lớp mạ kẽm Z275 và Z350 (khối lượng mạ 275g/m² và 350g/m²) là lớp mạ tiêu chuẩn cho xà gỗ LYSAGHT® Purlins and Girts. Điều này tạo tuổi thọ cao và không gặp trở ngại cho những công trình được bao che hoặc những công trình nông thôn thông thoáng, trong môi trường bình thường.

Môi trường bình thường là môi trường cách sóng mạnh 1000m, cách khu vực xả khói công nghiệp và cháy nhiên liệu hóa thạch 750m và cách vùng nước mặn lặng sóng 300m. Tính chất của các hoạt động tiến hành trong phạm vi công trình cũng cần được cân nhắc khi thiết kế và bảo hành.

Cần tránh tiếp xúc giữa kim loại không tương thích với lớp phủ. Trong những ứng dụng như thế và trong các môi trường ăn mòn cao, phải sử dụng hệ sơn thích hợp từ các nhà sản xuất sơn. Bạn có thể tham khảo tại các văn phòng trực thuộc Công ty NS BlueScope Lysaght Việt Nam.

Đối với những ứng dụng trong môi trường ăn mòn, bụi hoặc hạt, cần phải cân nhắc khi chọn lựa tiết diện (Z hoặc C), chiều tiết diện và lớp mạ phù hợp.

Some building materials and environmental conditions can be detrimental to coated steel products. These include contact with or exposure to run off from:

- *Industrial, agricultural, marine or other aggressive atmospheric conditions.*
- *Incompatible metal, like lead or copper.*
- *Building materials subject to cycles of dryness and wetness, or which have excessive moisture content such as improperly seasoned timber.*
- *Materials which have been treated with preservatives, like CCA or tanalith-treated timber.*

A zinc coating of Z275 and Z350 (275g/m² and 350g/m² coating mass) is the standard coating class provided with LYSAGHT® Purlins and Girts section. This will provide along and trouble-free life for enclosed buildings and open-sided rural buildings, in a non-aggressive environment.

A non-aggressive environment is 1000m from rough surf, 750 from industrial emission and fossil fuel combustion, and 300m from calm salt waters. Consideration must be given to the nature of activities performed within the building.

Direct contact of incompatible materials with the coating must be avoided. In such applications, and in very corrosive environments, suitable paint systems can be obtained from paint manufacturers. Further information is available from your nearest NS BlueScope Lysaght Vietnam offices.

In applications where particular attention are required for corrosion, or the build up of substances like dust or grain, then consideration should be given to the shape of the section (either Zed or Cee); orientation of the section; and coating class.

NHÀ MÁY

BIÊN HÒA

Số 3 Đường 9A, KCN Biên Hòa 2,
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Tel : 0251. 383 6245

HƯNG YÊN

Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long
(Đường tỉnh 376), Huyện Yên Mỹ,
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

VĂN PHÒNG

HỒ CHÍ MINH

Tầng 3, Tòa nhà Pearl 5, Số 05 Lê Quý Đôn,
P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: 028. 3 821 0066

HÀ NỘI

Tầng 12, Tòa nhà TungShing, 02 Ngô Quyền,
Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Tel : 024. 3935 0993



www.lysaghtasean.com/vn



[/lysaghtvietnam](https://www.facebook.com/lysaghtvietnam)



[/showcase/lysaght-vietnam](https://www.linkedin.com/showcase/lysaght-vietnam)



Màu sắc phong phú / *Wide colour choices*



Bền vững / *Durability*



Tái sử dụng / *Recycling*



Thiết kế linh hoạt / *Design flexibility*



Công nghệ sản xuất cao / *Hi – tech production*



Hiệu quả nhiệt / *Thermal efficiency*

Cập nhật vào tháng 07.2024/ *Updated in July 2024*

LYSAGHT THERE IS NO EQUIVALENT



TREND SETTER



STATE OF
THE ART



AN AUSTRALIAN
ICON



UNMATCHED TECHNICAL
EXPERTISE



LYSAGHT®, PROBUILD™, LYSAGHT®KLIP-LOK®, LYSAGHT®KLIP-LOK®OPTIMA™, LYSAGHT®AGRISHED™, LYSAGHT®SMARTSEAM™, DEEP-RIB®, LYSAGHT®SPANDEK®OPTIMA™, LYSAGHT®BONDEK®, CEIDEK®, LYSAGHT® SMARTRUSS®, LYSAGHT®TRIMDEK®OPTIMA™, LYSAGHT®MULTICLAD™, ZINCALUME®, COLORBOND® đã được đăng ký nhãn hiệu bởi NS BlueScope Limited, ABN 16 000 011 058.

BlueScope là nhãn hiệu đã được đăng ký bởi NS BlueScope Limited.

LYSAGHT®, PROBUILD™, LYSAGHT®KLIP-LOK®, LYSAGHT®KLIP-LOK®OPTIMA™, LYSAGHT®AGRISHED™, LYSAGHT®SMARTSEAM™, DEEP-RIB®, LYSAGHT®SPANDEK®OPTIMA™, LYSAGHT®BONDEK®, CEIDEK®, LYSAGHT® SMARTRUSS®, LYSAGHT®TRIMDEK®OPTIMA™, LYSAGHT®MULTICLAD™, ZINCALUME®, COLORBOND® are registered trademark of NS BlueScope Limited, ABN 16 000 011 058.

BlueScope is a trade mark of NS BlueScope Limited.

Bản quyền năm 2019. Công ty NS BlueScope Lysaght Việt Nam giữ bản quyền nội dung này. Không được phép in lại, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc chuyển đi trong bất kỳ thể loại nào như điện tử, máy móc, photocopy, ghi âm lại...bất kỳ phần nào của cuốn quảng cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty NS BlueScope Lysaght Việt Nam.

Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Copyright © 2019 by NS BlueScope Lysaght Vietnam Limited. All rights reserved. No part of this brochure shall be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, without written permission of NS BlueScope Lysaght Vietnam.

Note that technical information is subject to change without any advance notice.

